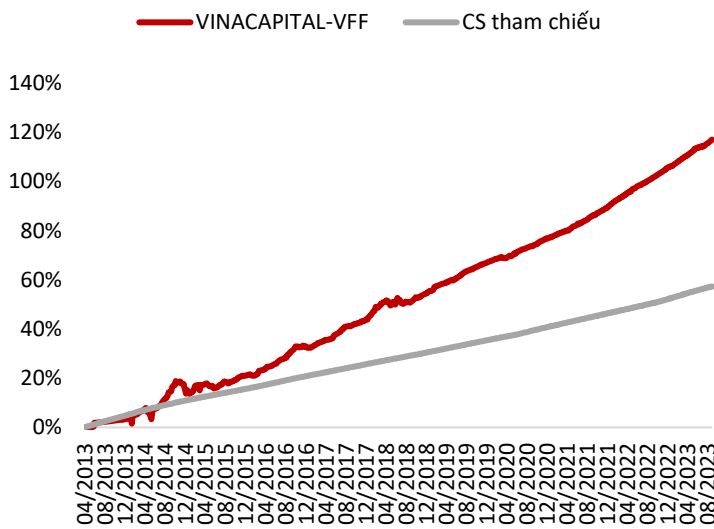


VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

Quỹ đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, giảm rủi ro cho nhà đầu tư bằng cách đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định. Quỹ chú trọng đem lại sự an toàn cho nhà đầu tư và kiểm soát chặt chẽ các rủi ro về tín dụng, lãi suất, lạm phát và thanh khoản. Quỹ hướng tới xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, cân đối rủi ro lãi suất và hiệu quả thông qua các quyết định phân bổ ngành và lựa chọn tài sản đầu tư hợp lý, và nâng cao lợi nhuận thông qua các giao dịch đầu tư chênh lệch giá. Quỹ ưu tiên đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá khác.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

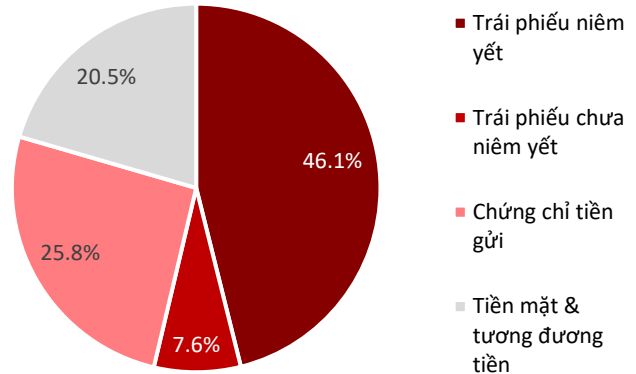
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	530.6	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	21,714.7	
Lợi nhuận tháng 08/2023 (%)	0.8	0.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	5.2	4.6
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.7	5.7
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	117.1	57.3

* CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



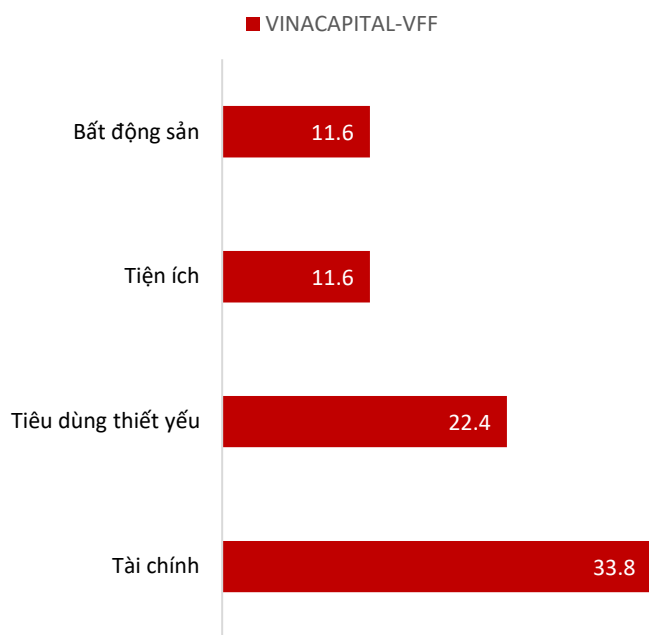
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	0.9
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.5

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
MML	CTCP Masan MEATLife	17.5	10.0	2.5
GEG	CTCP Điện Gia Lai	11.6	14.6	1.0
LPB	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	8.0	8.5	0.3
KDH	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	6.6	12.0	1.7
TN1	CTCP TMDV TNS Holdings	4.1	9.3	1.3

Lợi nhuận hàng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%					5.2%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Sản lượng sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam đã có đà hồi phục trong tháng 8, với số lượng đơn đặt hàng tăng lần đầu tiên sau sáu tháng. Đơn đặt hàng tăng cũng thúc đẩy hoạt động mua vật tư đầu vào sản xuất tăng mạnh nhất trong gần một năm, giúp nâng chỉ số PMI của Việt Nam từ 48,7 trong tháng 7 lên 50,5 trong tháng 8 - đây là lần đầu tiên chỉ số PMI của Việt Nam vượt trên ngưỡng 50 trong sáu tháng. Như đã thảo luận trước đây, chúng tôi ước tính tồn kho các sản phẩm “Sản xuất tại Việt Nam” ở Mỹ hiện gần như không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Nói cách khác, việc xả hàng tồn kho của một số nhà bán lẻ lớn của Mỹ như Walmart và Target hiện sắp kết thúc theo nhiều dữ liệu gần đây; điều này giúp giải thích cho sự gia tăng nêu trên về số lượng đơn đặt hàng nhà máy trong tháng 8, và do đó xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 8% tăng trưởng so với tháng trước.

Hoạt động mua hàng đó cũng giải thích tại sao nhập khẩu của Việt Nam tăng gần 6% so với tháng trước trong tháng 8 - hầu hết nhập khẩu là nguyên liệu sản xuất được các công ty FDI sử dụng. Hơn nữa, nhập khẩu tăng so với tháng trước trong tháng thứ tư liên tiếp, đây là chỉ báo mạnh mẽ cho thấy hoạt động sản xuất có khả năng tiếp tục tăng trưởng. Bên cạnh đó, nhập khẩu của Việt Nam đã giảm với tốc độ nhanh hơn nhiều so với xuất khẩu trong hầu hết thời gian của năm. Cụ thể, nhập khẩu giảm 16% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2023 (xuống còn 207,5 tỷ USD), so với mức giảm 10% so với cùng kỳ nêu trên trong xuất khẩu, điều này giải thích tại sao thặng dư thương mại của Việt Nam tăng từ 2% GDP trong 8 tháng đầu năm 2022 lên mức khổng lồ 7%/GDP trong 8 tháng năm 2023, đạt mức cao kỷ lục 20 tỷ USD. Cùng với mức giải ngân FDI tăng 1% so với cùng kỳ lên 13 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2023, đã giúp giảm bớt áp lực giảm giá đáng kể đối với đồng VN do giá trị của đồng Đô la Mỹ tăng khiêm tốn.

Lạm phát CPI tăng từ 2% so với cùng kỳ trong tháng 7 lên 3% trong tháng 8 và có vẻ sẽ tăng lên 4-5% vào cuối năm 2023. Lạm phát tăng trong tháng 8 là do giá xăng dầu bán lẻ tăng 9% so với tháng trước, điều này ít nhiều theo giá thế giới. Tuy nhiên, ngay cả với mức tăng lớn đó, giá xăng tại trạm xăng về cơ bản vẫn không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Với những diễn biến gần đây như việc cắt giảm sản lượng dầu của OPEC+, chúng tôi kỳ vọng giá xăng bán lẻ sẽ tăng khoảng 10% so với cùng kỳ năm trước vào cuối năm 2023, điều này sẽ làm tăng thêm ~1% điểm vào tỷ lệ lạm phát chung của cả nước.

Trong tháng 8 2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã được cải thiện mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng đạt 31,2% so với cùng kỳ năm trước, tổng giá trị phát hành đạt 29,9 nghìn tỷ với tổng 27 đợt phát hành riêng lẻ, động lực tăng trưởng toàn ngành vẫn đến từ ngân hàng và bất động sản. Trong đó, Ngân hàng chiếm tỷ trọng 58,2% khi giá trị phát hành đạt 17,4 nghìn tỷ với kỳ hạn và lãi suất trung bình đạt lần lượt 4,2 năm và 7%. Trong khi đó, ngành bất động sản cũng đã hồi phục trở lại khi tổng giá trị phát hành đạt 10,8 nghìn tỷ, tăng hơn hai lần so với cùng kỳ năm trước (3,2 nghìn tỷ). Cụ thể, kỳ hạn phát hành trung bình của ngành BĐS đạt khoảng 2,1 năm, tuy nhiên lãi suất ở mức tương đối cao khi trung bình đạt 12%.